

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04 /2023/HNGĐ-PT
Ngày: 27/7/2023
V/v: “*Tranh chấp nuôi con khi ly hôn*”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Anh Trang.

Các Thẩm phán: Ông Lê Hưng Dũng và Bà Trần Thị Diệu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Tường Vi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Yến – Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 27/7/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 05/2023/TLPT-HNGĐ ngày 02/6/2023 về việc: “*Tranh chấp nuôi con khi ly hôn*”.

Do bản án hôn nhân gia đình số 27/2023/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang – T, tỉnh Ninh Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 07/2023/QĐ-PT ngày 03/7/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Bảo L, sinh năm: 2000 (có mặt);

Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

- *Bị đơn:* Ông Bùi Hồng T, sinh năm: 1997 (có mặt);

Địa chỉ: Thôn C, xã T, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Lê Thị Bảo L.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*Tại đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà **Lê Thị Bảo L** trình bày:*

Bà và ông **Bùi Hồng T** tự tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau. Vợ chồng có đăng kí kết hôn và được **Ủy ban nhân dân xã T** cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 24/7/2019. Vợ chồng chung sống với nhau thường xảy ra cãi vã và mâu thuẫn. Nguyên nhân do chồng bà có tính lãng nhãng, bên ngoài có bồ bịch bà đã nhiều lần tha thứ nhưng ông **T** vẫn không thay đổi. Hiện vợ chồng đã không còn chung sống từ tháng 9/2022 đến nay, không quan tâm đến nhau, từ khi mẹ con bà chuyển về **thôn T, xã P, huyện N** sinh sống thì ông **T** chưa bao giờ gọi điện hỏi thăm tình hình của các con sống ra sao. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông **Bùi Hồng T**.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung tên **Bùi Duy N** – sinh ngày 01/9/2019 và **Bùi Duy P** – sinh ngày 28/9/2020. Khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con, bà yêu cầu ông **T** cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 6.000.000 đồng/02 con (tức là 3.000.000 đồng/con/tháng). Hiện nay bà làm việc tại **Công ty TNHH T1** và **Công Ty TNHH T1** với mức thu nhập trung bình hàng tháng là khoảng 12.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn ông **Bùi Hồng T** trình bày:*

Ông và bà **Lê Thị Bảo L** kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại **UBND xã T** vào năm 2019. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 5/2022 xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ ông có tính hay ghen, ông đã nhiều lần giải thích nhưng vợ ông không nghe nên vợ chồng hay xảy ra cãi vã. Đến tháng 9 năm 2022, vợ ông tự ý dẫn hai con về nhà ngoại ở **thôn T xã P, huyện N** sinh sống cho đến nay. Gia đình ông và ông đã nhiều lần khuyên ngăn và hòa giải nhưng vợ ông không đồng ý quay về. Nay ông xác định cũng không còn tình cảm vợ chồng với bà **L** nên ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của bà **Lê Thị Bảo L**.

Về con chung: Khi ly hôn ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung **Bùi Duy N** sinh ngày 01/9/2019 và **Bùi Duy P** – sinh ngày 28/9/2020 không yêu cầu bà **L** cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp Tòa án giải quyết cho bà **L** được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con thì ông không đồng ý cấp dưỡng mà ông chỉ đồng ý hỗ trợ về kinh tế cho bà **L** trong việc nuôi dưỡng 02 con. Hiện nay ông đang làm việc tại **Công ty TNHT1** không thuận, thu nhập trung bình hàng tháng khoảng 10.000.000 đồng, công việc ổn định đủ khả năng để nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản án sơ thẩm số 27/2023/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang – T quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị Bảo L và ông Bùi Hồng T.

2. Về con chung: Giao cho bà Lê Thị Bảo L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Bùi Duy P – sinh ngày 13/11/2020.

Giao cho ông Bùi Hồng T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Bùi Duy N – sinh ngày 01/9/2019.

Hiện nay cháu Bùi Duy N đang sống cùng bà L tại thôn T, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận nên bà L phải có trách nhiệm giao cháu N cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng.

3. Về cấp dưỡng con chung:

Ông Bùi Hồng T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Bùi Duy P hàng tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi, có thể lao động tự túc được.

Bà Lê Thị Bảo L không phải cấp dưỡng nuôi cháu Bùi Duy N do ông T không yêu cầu.

Sau khi ly hôn cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo và điều kiện thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 21/4/2023, nguyên đơn bà **Lê Thị Bảo L** làm đơn kháng cáo đối với Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 27/2023/HNGĐ-ST ngày 19/4/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang – **T** theo hướng: Sửa bản án sơ thẩm, giao cho bà **Lê Thị Bảo L** quyền chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung là **Bùi Duy N**, sinh ngày 01/9/2019 và **Bùi Duy P**, sinh ngày 13/11/2020.

Tại phiên tòa, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; không rút hay thay đổi, bổ sung nội dung kháng cáo; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận không rút, thay đổi nội dung kháng nghị. Các đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: Xét điều kiện kinh tế, nuôi con chung cả hai đều có thu nhập ổn định để nuôi con. Việc chăm sóc nuôi con chung cả hai đều tương đồng và nhờ vào sự hỗ trợ của cha mẹ hai bên. Đề nghị áp dụng khoản 1 điều 308 BLTTDS bác kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo ngày 21/4/2023 của bà **Lê Thị Bảo L** nộp trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án sơ thẩm đã thụ lý, giải quyết đầy đủ các mối quan hệ pháp luật tranh chấp đúng thẩm quyền, thủ tục theo quy định khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bà **Lê Thị Bảo L** và ông **Bùi Hồng T** trong quá trình chung sống có 02 con chung tên: **Bùi Duy N** – sinh ngày 01/9/2019 và **Bùi Duy P** – sinh ngày 13/11/2020. Cả hai bên đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập đầy đủ các tài liệu do các bên cung cấp về điều kiện kinh tế, thu nhập; đã xác minh về công việc hiện tại của bà **L**, ông **T**. Mức thu nhập của các bên đều đủ điều kiện cơ bản nhất định để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Cả hai đều đang sống cùng với gia đình cha mẹ đẻ và ông bà nội ngoại hai bên đều hỗ trợ việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu. Quá trình tố tụng, bà **L** cũng thừa nhận khi vợ chồng sống chung thì bà nội là người hỗ trợ vợ chồng bà trong việc chăm sóc các con để vợ chồng bà yên tâm đi làm.

Xét hoàn cảnh, điều kiện sinh sống, thời gian làm việc của bà **L**, bà **L** một mình nuôi 02 con sẽ khó khăn hơn nên cần san sẻ trách nhiệm trong việc nuôi con. Cân nhắc nhiều mặt quyền lợi cũng như sự phát triển bình thường của trẻ nhỏ, việc giao cháu **Bùi Duy P** – sinh ngày 13/11/2020 dưới 36 tháng tuổi cho bà **L** trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu **Bùi Duy N** – sinh ngày 01/9/2019 cho ông **T** nuôi dưỡng là đảm bảo sự công bằng về quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con chung và phù hợp với quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận toàn bộ đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa, không chấp nhận kháng cáo của bà **Lê Thị Bảo L**; giữ nguyên bản án sơ thẩm số 27/2023/HNGĐ-ST ngày 19/4/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang – **T, tỉnh Ninh Thuận**.

[3] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bà **Lê Thị Bảo L** phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm.

[4] Những nội dung, quyết định khác của bản án không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bà **Lê Thị Bảo L.**

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 27/2023/HNGĐ-ST ngày 19/4/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang – **T, tỉnh Ninh Thuận**. Cụ thể như sau

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà **Lê Thị Bảo L** và ông **Bùi Hồng T**.

2. Về con chung: Giao cho bà **Lê Thị Bảo L** được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung tên **Bùi Duy P** – sinh ngày 13/11/2020.

Giao cho ông **Bùi Hồng T** được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung tên **Bùi Duy N** – sinh ngày 01/9/2019.

Hiện nay cháu **Bùi Duy N** đang sinh sống cùng bà **L** tại **thôn T, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận** nên bà **L** phải có trách nhiệm giao cháu **N** cho ông **T** được trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó. Các đương sự được quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung:

Ông **Bùi Hồng T** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu **Bùi Duy P** hàng tháng 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*). Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi cháu **P** đủ 18 tuổi, có thể lao động tự túc được.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại điều 357, điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí:

Án phí sơ thẩm: Bà **Lê Thị Bảo L** phải nộp 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) bà **Lê Thị Bảo L** đã nộp theo Biên lai số 0004506 ngày 03/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang – **T, tỉnh Ninh Thuận**. **H** lại cho bà **L** số tiền chênh lệch 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm.

Án phí phúc thẩm: Bà **Lê Thị Bảo L** phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0005282 ngày 05/5/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang – **T**. Bà **L** đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 27/7/2023)

Nơi nhận:

- Đương sự (2);
- VKSND tỉnh Ninh Thuận (1);
- TAND TP. Phan Rang – Tháp Chàm (1);
- Chi cục TP. Phan Rang – Tháp Chàm (1);
- Phòng KTNV & THA (1);
- Lưu hồ sơ, án văn, HC-TP (3).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Anh Trang